



NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN ĐẤT VÀ NGƯỜI PHƯƠNG NAM TRONG MỘT SỐ TRUYỆN, KÍ CỦA ANH ĐỨC, ĐOÀN GIỎI VÀ NGUYỄN QUANG SÁNG

*Nguyễn Ngọc Phú**

Khoa Sư phạm Ngữ văn - Trường Đại học Đồng Tháp

Ngày nhận bài: 02-4-2018; ngày nhận bài sửa: 20-4-2018; ngày duyệt đăng: 24-8-2018

TÓM TẮT

Có thể nói, phần lớn sáng tác của các nhà văn miền Nam đều gắn liền với đời sống nông thôn Nam Bộ. Đọc tác phẩm của họ, chúng ta có thể cảm nhận được bối cảnh nông thôn Nam Bộ một cách sâu rộng. Ở đó tồn tại một thứ tình cảm rất đậm đà sâu lắng giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Bài viết tập trung phân tích nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật và cách xử lý ngôn ngữ với việc thể hiện đất và người phương Nam trong một số truyện, kí của Anh Đức, Đoàn Giỏi và Nguyễn Quang Sáng giai đoạn 1954 - 1975.

Từ khóa: đất, nghệ thuật, người phương Nam, nhà văn Nam Bộ.

ABSTRACT

*The art of presenting the Southern land and people in some stories and memoirs
by Anh Duc, Doan Gioi and Nguyen Quang Sang*

It can be said that most of the writers of the South are attached to rural life in South Vietnam. Reading their works, we can feel the rural context on a vast land in a conceptual way broad, deep, all nuances and appearance. There exists a passionate love between people, between people and nature. The article focuses on analyzing the art of character building and language process and the presentation of the Southern land and people in some stories and memoirs by Anh Duc, Doan Gioi and Nguyen Quang Sang during the period of 1954-1975

Keywords: land, art, Southern people, Southern writer.

1. Mở đầu

Văn học ở mỗi vùng miền có một đặc sắc riêng, trong đó văn học Nam Bộ để lại cho độc giả những ấn tượng rất đậm đà. Nói đến văn học Nam Bộ sau năm 1945 ta thường nhắc tới các tên tuổi nổi bật như: Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trang Thế Hy, Anh Đức, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng... Những tác giả này sống ở Nam Bộ và chuyên viết về phương Nam. Họ là “kho tư liệu sống” về con người, văn hóa, địa lí, lịch sử của vùng đất phương Nam. Thông qua truyện, kí cũng như những công trình khảo cứu về đất và người phương Nam của họ, chúng ta hiểu biết thêm về một thời oanh liệt của ông cha ta trong

* Email: ngocphu885@gmail.com

quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ. Sơn Nam nổi tiếng với truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau*, góp thêm cho văn học miền Nam một tiếng nói riêng, đó chính là những khám phá về thiên nhiên, văn hóa và con người Nam Bộ. Đoàn Giỏi, Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng cũng đã biến vùng đất phương Nam trở nên thân thuộc đối với độc giả, những trang văn của các tác giả này thấm đượm hơi thở của miền sông nước, chứa đựng những câu chuyện vừa thực vừa kì bí của thiên nhiên Nam Bộ hoang sơ. Có được điều đó, không những là nhờ tình yêu đối với miền đất Nam Bộ, mà còn nhờ sự quan sát tinh tế, phương thức nghệ thuật thể hiện hấp dẫn của các tác giả. Đã có nhiều công trình đi sâu nghiên cứu về những nhà văn tiêu biểu của vùng đất Nam Bộ. Trong bài viết này, chúng tôi muốn thể hiện cái nhìn khái quát về phương thức nghệ thuật thể hiện đất và người phương Nam trong sáng tác của các nhà văn Anh Đức, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng. Qua đó, chúng ta có thể hiểu hơn về vùng đất và con người miền Nam, đồng thời có thể hỗ trợ cho việc giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

2. Nội dung

2.1. Đất và người phương Nam qua phương thức thể hiện của những thể loại khác nhau

2.1.1. Đất và người phương Nam qua phương thức thể hiện của tiểu thuyết

Nam Bộ là một vùng đất non trẻ so với các vùng lãnh thổ khác của đất nước nhưng tiểu thuyết viết về vùng đất này khá thịnh hành trong thời kì đầu của phong trào sáng tác văn học Nam Bộ. Tiểu thuyết đã dựng lên bức tranh đời sống xã hội Nam Bộ đương thời, trong đó diễn ra hàng loạt hoạt động của nhân vật, với nghệ thuật thể hiện bao gồm bố cục, xây dựng nhân vật và cả về ngôn từ. *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi có kết cấu chương hồi kiểu truyền thống, không gian, thời gian rạch ròi, nhân vật thiện ác, trắng đen tách bạch và bộc lộ qua hành động, hình dáng, ngôn ngữ, thể hiện một cách viết dễ đọc, dễ hiểu phù hợp với độc giả trẻ tuổi. Biện tấu của Đoàn Giỏi mang tính hiện đại, đó là cách tiếp cận thời gian tâm lí, cách trộn lẫn các thi pháp sử thi, phản gián. Nếu theo truyền thống thì truyện phải kể từ Mỹ Tho, quê An, hay ít ra cũng phải từ ngày tản cư, chạy giặc. Nhưng tác giả đã mở đầu bằng lần lưu lạc thứ ba, sau khi An lạc cha mẹ và đoàn thuyền quân lương. Quê hương chỉ sống lại thiết tha trong hồi tưởng khi An lâm vào cảnh bơ vơ. Mặt khác, tác giả muốn tạo lực hút ngay từ dòng đầu, với cảnh chợ đêm Chác Bãng, có nhiều sản vật kì lạ (ba ba, khi, rắn...) có đám mả võ Sơn Đông, với quán nhậu Tư Béo có khách ra vào như một sân khấu thời sự. Chính ở đây, An đã gặp những con người vừa tiêu biểu cho thời thế vừa gắn bó với đoạn đời lưu lạc của em: một bác Ba Ngụ suốt ngày ở trần, áo vắt vai ngồi rìa ở quán rượu, vậy mà khi đứng trước tấm biểu ngữ “Tổ quốc hay là Chết!” thì trịnh trọng mặc áo, cài cúc tay mân mê vuốt thẳng đường tà; một anh Huỳnh Tấn từng tháp từng thủ lĩnh Trần Văn Giàu đi gặp tướng giặc và từng chứng kiến cảnh những người lính Bình Xuyên chặt ngón tay ngâm rượu đưa trình các tướng lĩnh để bày tỏ quyết tâm

kháng chiến. Cũng chính ở đây, An đã phát hiện vợ chồng Tư Mắm trong vai khách thương hồ là gián điệp, là quân do thám. Đây chính là ngón chơi nhiều thi pháp, nó đã tạo cho mạch truyện một tiết tấu nhanh, mạnh, dồn dập với nhiều uẩn khúc, khiến bạn đọc khó lòng thờ hững.

Về sau, khi An đã có chỗ nương tựa, nhiều đoạn vẫn tạo ra những tình huống bất ngờ, nhưng nói chung mạch truyện đã dẫn ra có phần êm xuôi như những trang du kí với các chương: *Đi câu rắn, Đi lấy mật, Rừng cháy, Phòng săn cá sấu, Qua Stróc Miên, Sân chim...* Vậy mà bạn đọc vẫn thích thú. Đoàn Giỏi nói về nghề nuôi ong lấy mật, không có ở đâu gác kèo (một cành tràm có nhiều nhánh) rủ rê ong làm tổ như ở rừng U Minh. Đó là những mẩu chuyện có thật, sinh động xen lẫn những huyền thoại có xuất xứ hần hoi. *Đất rừng Phương Nam* thể hiện vốn sống phong phú của tác giả, làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác: ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải có 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi. Theo con mắt rất thi sĩ của nhà văn, ta không thể không cảm thấy ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh mặt trời vàng óng: những cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rủ phát phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn...

Cùng với thiên nhiên được Đoàn Giỏi vẽ lên bằng những màu sắc sinh động, tràn trề sức sống là những con người Nam Bộ với những nét sắc sảo lạ lùng. Nhà văn không kể nhiều, đôi khi chỉ vài ba nét: những lời nói ngọt nhạt, đái bôi, thờ lợ, cái túi tiền thâm đen, căng phồng nhòm mỡ của dì Tư Bé; cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tinh, dở say của lão Ba Ngù. Chúng tôi muốn nói kĩ hơn hai nhân vật được ông khắc họa kĩ lưỡng nhất: ông Hai bắt rắn và chú Võ Tòng. Hai người đều không có đất, quanh năm ở đợ, làm thuê cho địa chủ, bị chúng cướp công, cướp người yêu, cướp vợ, họ đã đánh trả và bị tù, chỗ khác nhau là ông Hai bắt rắn đã trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh. Một con thuyền nhỏ, hai vợ chồng, thằng con trai và con chó Luốc đi lang thang kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu... Gương mặt ông khoáng đạt rất dễ mến, làn da mặt người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vàng trán cao là có xếp mấy đường nhăn... đôi mắt to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen... Mấy nét thô, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng, tự tin của một đời sống tự do và từng trải. Còn chú Võ Tòng gây án, chú tự đến "*nhà việc*" nộp mình. Mãn hạn tù chú trở về thì con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của chủ đất. Mọi người chờ đợi một cuộc trả thù đẫm máu, nhưng không, Võ Tòng ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú. Một mình chú đã tự tay giết 20 con hổ. Đây là những chuyện người đời truyền tụng, thật ra, chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mà mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu. Tuy nhiên "danh bất hư truyền", bởi nó còn đâu đó trên gương mặt: hai hố mắt chú sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy... Chỗ gò má bên phải, năm cái sẹo dài sả

từ thái dương vắt xuống cổ như dấu móng cạp cào... Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc phảng phất màu huyền thoại. Bác Hai bắt rắn là chuyện thực, Võ Tòng là chuyện vừa thực vừa ảo. Chỗ này nhà văn Đoàn Giỏi lại làm một ngón trộn nữa: trộn cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông - loại tiểu thuyết Tàu vốn rất phổ biến ở Nam Bộ; đất cũng như người, phương Nam mới khai phá, đất hoang, rừng rậm, chim trời cá nước menh menh, làm sao người nông dân lại chịu cảnh như anh Pha, chị Dậu... Họ có nhiều tự do hơn, trước kẻ thù họ chống trả quyết liệt, với bạn bè giai cấp họ gắn bó thủy chung, họ hào hiệp phóng khoáng kiểu Lương Sơn Bạc.

Còn bước đột phá trong sáng tác của Anh Đức chính là tiểu thuyết *Một truyện chép ở bệnh viện* (1959), *Hòn Đất* (1966), *Đứa con của đất* (1976). Những tác phẩm này nhìn sâu hơn vào mối quan hệ giữa chiến tranh và con người và đi sâu khám phá thể hiện vấn đề số phận con người. Chị Tư Hậu trong *Một truyện chép ở bệnh viện* là một người phụ nữ lao động ở vùng biển Nam Bộ mồ côi từ bé và có chồng đi kháng chiến. Sau khi đẻ con gái đầu lòng được ba tháng thì bị giặc Pháp ở đồn gần đấy càn quét đến, hiếp dâm. Không bao lâu, chị được tin chồng hi sinh trong một trận chống giặc nhảy dù. Chị đau khổ vô cùng nhưng được tuyên truyền, động viên mà vào hoạt động trong vùng bị chiếm... Một nhân vật nữ khác của nhà văn Anh Đức phải kể đến là chị Sứ, nhân vật chính trong tiểu thuyết *Hòn Đất*, được coi là một tiểu thuyết tiêu biểu viết về chiến tranh thời bấy giờ. Chị Sứ có những phẩm chất tốt đẹp, với tấm lòng vị tha, sống vì người mình yêu thương, là người phụ nữ sống có lí tưởng anh hùng. Nhân vật Sứ được Anh Đức miêu tả trong khung cảnh thiên nhiên của một vùng quê tươi đẹp, kết hợp chặt chẽ với âm điệu trữ tình mềm mại. Chúng ta bắt gặp ở đây thiên nhiên gần gũi, đầy màu sắc rực rỡ: mùi hoa, bông bưởi thoang thoảng trong các vườn mít trái treo vàng xám, những trái măng cụt nâu râm, trái vú sữa tím ửng, những vườn dừa trĩu quả với những tàu lá đung đưa, lấp lánh trong hoàng hôn... Thiên nhiên dưới ngòi bút của Anh Đức được cảm nhận như lịch sử lâu đời của đất nước: “Thấp thoáng những cây tre đặng ngà cao vút, vàng óng, những cây tre lâu nay vẫn đứng đấy... mặc cho bao nhiêu gió mưa đã thổi qua. Sau rặng tre ấy biển cả còn lâu đời hơn, vẫn đang giỡn sóng, mang một màu xanh lục” (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.79). Anh Đức cũng đặc biệt chú ý đến vẻ đẹp hình thức của chị Sứ. Hình ảnh mái tóc dài mượt xanh nói lên vẻ đẹp bên ngoài và cũng là sức sống bên trong của nhân vật, phải chịu đựng nỗi đau đớn xót xa của lưỡi dao thẳng Xăm, nhưng vẫn bất khuất trước kẻ thù tàn bạo.

2.1.2. Đất và người phương Nam qua phương thức thể hiện của truyện ngắn

Đất và người phương Nam cũng được thể hiện sinh động qua các tác phẩm truyện ngắn của Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng. Với ngòi bút sắc sảo nhạy bén, dạt dào xúc cảm, Anh Đức đã viết một loạt truyện ngắn: *Đất*, *Đứa con*, *Con chị Lộc*, *Khói*, *Kí ức tuổi thơ*, *Gió dậy lên từ một khu rừng*, *Thằng Mĩ*... Truyện ngắn của Anh Đức thường cô đọng, giàu kịch tính trong các tình huống, tình tiết, chi tiết và việc khắc họa chân dung nhân vật.

Nhà văn Xuân Trường đã chỉ ra một đặc điểm quan trọng của truyện ngắn Anh Đức: “Truyện ngắn của Anh Đức... tập trung miêu tả những tình huống, những tính cách nhân vật. Những truyện ngắn này đều xây dựng trên những cơ sở những câu chuyện có thực mà bút kí hay phóng sự đã từng nói đến” (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.25). Đặc biệt Anh Đức có lối văn lặt tả chân dung và tính cách nhân vật rất sắc nét: “Ba tôi mở tủ thờ lấy cái áo dài xuyên đen ra. Đây là chiếc áo ba tôi chỉ bận khi có giỗ kỵ. Bây giờ ba tôi thông thả bận vô. Ba tôi bận áo rất kĩ lưỡng, vuốt từng nếp nhăn trên áo. Xong rồi ba tôi đưa tay xoắn đầu tóc, xoắn ra. Tụi nó không biết ba tôi làm cái gì. Mà ba tôi cũng chẳng ngó ngang để ý tới tụi nó. Hình như bây giờ ba tôi chỉ biết có việc ba tôi làm. Sau khi bận áo và xoắn tóc, ba tôi rút mấy nén nhang, bảo tôi: - Hai, con đốt đèn lên!” (*Đất*) (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.31). Đoạn văn đã lặt tả rất rõ cái không khí căng thẳng của một cuộc chạm trán, đối mặt một mất một còn của một bên là bọn giặc rập tâm cướp đất, dồn dân vào ấp chiến lược và một bên là những người nông dân quyết “một tác không đi một li không rời”, cố gắng giữ gìn đất, không cam chịu áp bức và đè nén, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, quyết chết vinh còn hơn sống nhục.

Truyện của Anh Đức trong sáng, lãng mạn và trữ tình, trong khi các tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng lại giàu phong vị dân gian mà vẫn hiện đại. Tính chất sử thi thể hiện qua hiện thực cuộc sống, cuộc đấu tranh của nhân dân trên vùng đất miền Nam. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Quang Sáng đã làm nổi bật vẻ đẹp của con người Nam Bộ. Họ mang tầm vóc của một anh hùng, kết tinh sức mạnh của cộng đồng như: cô giao liên Thu (*Chiếc lược ngà*); chị xã đội trưởng Dung (*Chị xã đội trưởng*); chị Nhung (*Chị Nhung*) với mưu trí dày dặn kinh nghiệm, tự tin đối phó với kẻ thù; nàng Sa Rét (*Nàng Sa Rét*) kiên cường bảo vệ bí mật cách mạng; em gái nhỏ (*Quán rượu người câm*); hay những bác nông dân can trường, nghĩa khí gác bỏ tình riêng (*Ông Năm Hạng*); ông Ba Đạt (*Người quê hương*)... Ông Năm Hạng, con người được thể hiện trong hoàn cảnh khá éo le. Ông hết lòng tin tưởng và giúp đỡ kháng chiến, đồng thời cũng yêu biết mấy đứa con trai duy nhất của mình. Ông không bao giờ muốn tin những lời đồn về con trai duy nhất của mình theo giặc. Đứa con bị bắn chết, ông vô cùng đau khổ. Nhưng càng truy tìm để trả thù, ông càng biết rõ sự thật hư hỏng của con mình. Ông đã khẳng định lòng tin và tình nghĩa với cách mạng qua thái độ lựa chọn - chính người cán bộ đã trừng trị con trai ông làm chỗ dựa về tình cảm cho mình. Người nông dân này đã giải quyết xung đột gay gắt trong tình cảm của mình theo tinh thần vì nghĩa lớn. Trong *Bông cẩm thạch*, tác giả đặt ra vấn đề: người con có thể cắt đứt tình mẫu tử nếu người mẹ phản bội cách mạng. Nhưng đó là sự hiểu lầm giữa Mi và mẹ cô. Mi cho rằng mẹ mình lấy một tên Việt gian và không xứng đáng với cha. Trước sự hiểu lầm của con gái, người mẹ rất khổ tâm. Bà định nói cho con biết mọi sự tình nhưng lại sợ lộ bí mật về người “Việt gian” ấy. Bà định rời tỉnh nhà vào vùng kháng chiến rồi nói

tất cả sự thật cho Mi. Nhưng vì cách mạng, bà mẹ đã không làm được điều đó bởi bà không thể bỏ cơ sở.

Nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng có chiều sâu tâm lí, trạng thái cảm xúc, diện mạo tương đối rõ nét đủ cho người đọc có thể nhận ra đặc điểm của nhân vật. Trong những truyện ngắn sáng tác trước 1975, Nguyễn Quang Sáng đã khái quát hiện thực chủ yếu qua những hình tượng nhân vật vừa mang những nét cá tính độc đáo của bản thân, vừa mang những nét riêng của con người Nam Bộ. Đó là tính cách bộc trực, phóng khoáng, lạc quan yêu đời, giàu niềm tin ở cuộc sống và kiên định, bất khuất giàu nghĩa khí trong đấu tranh.

Truyện ngắn Nam Bộ thời kì này đã hội đủ các tiêu chí về nội dung và nghệ thuật của thể loại truyện ngắn hiện đại. Một bộ phận nhà văn Nam Bộ đã hòa nhập vào cuộc kháng chiến giành độc lập tự do nên cảm hứng truyện ngắn thời kì này càng nhiều màu sắc càng phong phú, từ cảm hứng chiến tranh đến cảm hứng đời thường. Truyện ngắn Nam Bộ thể hiện rõ bản sắc Nam Bộ, gắn bó với chất liệu ngôn ngữ Nam Bộ làm thành ngôn ngữ văn chương, đến đây có thể nói rằng ngôn ngữ văn chương trong truyện ngắn Nam Bộ đã đạt đến độ trưởng thành, và song song đó là cảm hứng Nam Bộ đã hòa nhập vào cảm hứng dân tộc, cảm hứng lịch sử, thời đại.

2.1.3. Đất và người phương Nam qua phương thức thể hiện của kí

Theo Chu Nga trong *Văn học Việt Nam thế kỉ XX* (Tập IX) cho rằng: “Qua các bút kí của Anh Đức từ *Bức thư Cà Mau* (1963) đến *Lá thư cuối năm* (1964), rồi *Thư tháng Bảy* (1965), *Dưới một vầng sáng đục* (1965), *Những chuyện xung quanh một trận càn hình móng ngựa* (1967) làm cho người đọc hình dung ra những bước đi cứ lên dần, cứ sáng sủa dần của tình hình chiến sự miền Nam. Từ chiến thắng Đầm Dơi, Cái Nước, từ những cuộc pháo kích vào sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... càng về sau, chiến thắng càng lớn” (Nguyễn Ngọc Thiện, 2009, tr.1018). Dưới hình thức bức thư, bút kí *Bức thư Cà Mau* của Anh Đức đã kể chuyện miền Nam, kể chuyện bản thân mình, bộc lộ nỗi nhớ miền Bắc, gửi gắm lòng mình với miền Bắc. Với thái độ lạc quan yêu đời, với giọng văn giản dị, chọn lọc mà không cầu kì ông đã diễn tả được nội dung thật của cuộc đấu tranh. Phong cách ấy cũng được thể hiện qua các bài kí mà đa số ông đề gửi Nguyễn Tuân. Ông gửi cho Nguyễn Tuân, cho anh em văn nghệ miền Bắc, nhưng thực ra đó là lòng của cả miền Nam thân thương ruột thịt hướng về miền Bắc với niềm tin yêu và hi vọng. Chúng ta nghe được những gian nan, vất vả mà đồng bào ta phải trải qua trên hai mươi năm chiến đấu và giành được độc lập sau ngày đồng khởi. Một điều nữa chúng ta cũng thấy rõ trong các bút kí của ông, đó là mối tình Bắc - Nam ruột thịt. Thắng lợi và thành công của đồng bào miền Bắc củng cố niềm tin cho nhân dân miền Nam trong cuộc đọ sức với kẻ thù. Có thể nói không một lá thư nào, Anh Đức không nhắc tới miền Bắc với tấm lòng yêu mến và ngưỡng mộ: “Mơ thấy Hà Nội những trưa hè cháy đỏ một trời phượng... Sài Gòn sẽ tiến tới một Hà Nội

không xa” (*Dưới một vầng sáng đục*) (Nguyễn Ngọc Thiện, 2009, tr.1020). Với Phan Nhân trong bài “Suy nghĩ về khả năng của thể kí” qua một số bút kí, ghi chép, hồi kí của văn học miền Nam cho rằng: “Có lẽ nhà văn Anh Đức cũng cảm thấy sức mạnh truyền cảm và khả năng phản ánh hiện thực của những bức thư, nên anh đã viết nhiều bài bút kí dưới hình thức thư chãng?... người ta có cảm giác như đang được nghe anh trực tiếp kể chuyện, nhiều chuyện rất hay ở cái “chốn cuối đất này” của Tổ quốc”, “những bài bút kí dưới hình thức tâm tình kiểu Anh Đức” (Nguyễn Ngọc Thiện, 2009, tr.734-735).

Theo Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng (2006), ngòi bút của Anh Đức đã len lỏi vào sâu trong cái bản chất hiện thực nhưng vẫn không bỏ quên các chi tiết của cuộc sống: “các bà mẹ ngồi trên xuồng đi đấu tranh vẫn điềm nhiên ngoáy trầu ăn, các cô gái vừa bơi vừa sửa lại khăn đội đầu cho ngay ngắn” (*Bức thư Cà Mau*) (tr.246). Trong tác phẩm của ông, cái chết và sự sống, đau khổ và hạnh phúc, nỗi buồn và niềm vui, hận thù và tình yêu vừa đối lập nhau, vừa cài vào nhau. Tiếng gầm rú của máy bay trực thăng và tiếng reo hò, tiếng trống tiếng mõ của nhân dân trong cái đêm đồng khởi, tiếng ùng oàng của bom đạn và tiếng đánh vắn râm ran của trẻ con, tiếng chạm vào nhau của những chiếc còng sắt và tiếng hát vút lên trên những dòng kênh, cánh đồng đã cấy; tiếng khóc sụt sùi của bà mẹ mất con và tiếng cười hả hê của ông lão trên cái cồn cát ở giữa Cừ Long Giang mừng miền Bắc quật tan giặc Mĩ; màu đen âm u của những đêm dài bị kim kẹp và màu xanh lam của đêm Tháp Mười được giải phóng, mùi khét lẹt của thịt người cháy và mùi ngào ngào của hương trầm, vị mặn đắng của mồ hôi và vị ngọt ngào của ca nước ngọt Hậu Giang... hòa lẫn vào nhau để tạo thành một toàn cảnh sinh động của cuộc chiến đấu rất khốc liệt nhưng cũng đậm đà màu sắc trữ tình, lãng mạn.

Văn của Anh Đức vừa gân guốc, quyết liệt, vừa trữ tình, tha thiết; điều này làm nên sự nổi bật trong phong cách sáng tác của nhà văn trong việc thể hiện đất và người phương Nam. Kí là ghi chép người thật việc thật, kí của Anh Đức cho thấy sự tham dự của tác giả vào sự kiện, những điều miêu tả của nhà văn mang tính nóng sốt, gọi nhiều háo hức, chờ đợi ở độc giả đương thời. Đặc biệt khi nói về cuộc sống của người Nam Bộ trong khói lửa của chiến tranh, kí của Anh Đức đã làm ta có ấn tượng rằng chỉ cần kể một cách không tô vẽ về đối tượng là đã đủ hấp dẫn người đọc. Có thể nói, kí của Nguyễn Anh Đức đã ghi lại những điều phản ánh của bà con, hiểu và thông cảm những nỗi thống khổ của người dân, phản ánh được hiện thực chiến tranh Nam Bộ.

2.2. Nghệ thuật xây dựng tính cách với việc thể hiện đất và người phương Nam

2.2.1. Kết hợp khắc họa tính cách cá nhân với việc làm sáng tỏ tính cách chung của người Nam Bộ

Nhìn chung, mọi tính cách được xây dựng trong truyện của các nhà văn Nam Bộ đều đậm tính Nam Bộ, phản ánh được nét đặc thù của cuộc sống Nam Bộ. Tính cách nổi bật nhất là ý chí độc lập tự do, tinh thần hi sinh anh dũng chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Trong truyện ngắn của Anh Đức, mỗi tính cách đều có những nét riêng biệt, nhưng tất cả những tính cách đó đều có những nét chung của con người Nam Bộ cách mạng. Về mặt xây dựng nhân vật, Anh Đức đã đạt được một số thành công đáng kể, không lấy việc miêu tả sự kiện làm cái đích cuối cùng mà lấy việc xây dựng tính cách nhân vật làm vấn đề trung tâm của tác phẩm. Nhân vật trong tác phẩm phần lớn là những người nông dân cách mạng Nam Bộ. Anh Đức đã dựng lên một số tính cách khá điển hình: nhân vật Sứ trong *Hòn Đất*, chú Ba trong *Đứa con*, ông Tám trong *Đất*, cô Quế trong *Khói*... Các nhân vật mỗi người mỗi vẻ, mỗi người một cá tính riêng nhưng tất cả đều mang những nét chung của người Nam Bộ cách mạng. Dù là bác nông dân hay chiến sĩ, cô thanh nữ hay anh cán bộ, ông già hay em bé, tất cả họ đều là những con người có tâm hồn rộng rãi, khoáng đạt, sôi nổi, thành thật, chín chắn, sâu sắc trong suy nghĩ, kiên quyết dũng cảm trong hành động, quyết liệt với kẻ thù, quên mình vì bạn bè, đồng chí. Tình cảm của họ không giả dối, nửa vời, mà bao giờ cũng yêu ghét rõ ràng.

Trong *Hòn Đất*, nhân vật Sứ gây ấn tượng sâu sắc nhất, bởi được xây dựng từ nguyên mẫu chị Phan Thị Ràng, người con gái đẹp, ngoan cường của vùng Hòn Đất. Chính điển hình xã hội này đã góp phần quan trọng tạo nên tính cách nhân vật. Sứ là người phụ nữ tiêu biểu cho phẩm chất của người phụ nữ cách mạng miền Nam. Người con gái ấy đã có mặt trong cuộc chiến đấu ở quê hương ngay từ giờ phút đầu. Chị tham gia vào đội du kích, xung phong đi lấy nước và đã bị bắt, bị tra tấn nhưng vẫn giữ vững khí thế anh hùng cho đến hơi thở cuối cùng. Sứ là một nhân vật đẹp về nội tâm cũng như hình thức. Tâm trạng của chú Ba trong *Đứa con* trước khi có được cái quyết định giản đơn là cho đứa con trai một của mình đi bộ đội, đâu có phải là một tâm trạng đơn giản: “Nhà mình chỉ có mỗi mình nó... tôi biết, nhưng tôi nghĩ nát óc rồi. Thằng nhỏ khỏe mạnh lại gần tới tuổi đi lính, như miếng mồi treo sò sò trước mặt, sớm muộn gì nó cũng đớp... Thôi mình tính trước đi là hơn. Cho nó đi theo anh em nó sẽ nên người, chắc rồi nó cũng cầm súng, nhưng cầm súng nó vô đầu tội phản dân hại nước, nó chết tôi cũng mát dạ” (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.248). Anh Đức miêu tả một cách trung thực các nhân vật của mình, dựng lên tính cách của những con người Nam Bộ ngày nay, nhà văn cần phải làm thế nào miêu tả cho được những tâm hồn sôi nổi, bông bột mà không đơn giản, sơ lược, phong phú mà không phức tạp. Cái hay của Anh Đức là ở chỗ bước đầu thực hiện được một phần công việc đầy khó khăn ấy. Ngòi bút của Anh Đức chú ý miêu tả những thanh niên nam nữ nông thôn Nam Bộ yêu nhau trong chiến đấu. Trong truyện ngắn *Khói*, cô Quế mới mười chín tuổi, còn Hựu người yêu của Quế mới có hai mươi ba. Hồi đen tối, Hựu phải ở dưới hầm và có lần Quế đã cứu Hựu thoát chết. Quế đã bình tĩnh rút khăn quàng cổ áp nhẹ vào mũi chĩa cắm vào vai cô, khéo léo vuốt sạch ở mũi chĩa khi bọn địch rút mũi chĩa lên. Và từ đó cánh tay phải của cô có tật không nhát mạnh lên được và Hựu càng yêu Quế hơn. Một hành động đẹp như vậy đã gây sự chú ý của người đọc và nổi bật

lên hình ảnh của Hựu và Quế. Ở *Bức thư Cà Mau*, tất cả nhân vật tích cực của Anh Đức đều đáng yêu, đáng kính. Bất cứ tập trung miêu tả một mặt nào, một khía cạnh nào, Anh Đức không bao giờ quên đặt nó vào trong những quan hệ cách mạng, quan hệ của cả một tập thể đang chiến đấu. Cách mạng là yếu tố quyết định của thời đại chúng ta, những con người đầy lạc quan đang làm cách mạng, những con người mới của thời đại đã trở thành nhân vật trong những truyện ngắn của Anh Đức.

Tiểu thuyết *Một truyện chép ở bệnh viện* đã miêu tả một tính cách trong quá trình phát triển. Từ một phụ nữ bình thường, có phần yếu đuối là khác, chị Tư Hậu đã vượt qua đau thương tìm đến với Đảng, với cách mạng. Một người vợ góa nuôi con, cô đơn bé nhỏ giữa cảnh tháng mười đông bão, mưa gió đầy trời, chị Tư Hậu lại còn phải đi đỡ đờ cạnh bốt của địch cho người vợ bất hạnh cùng cảnh ngộ. Trong khi chị đang cần bầu vú vào một người khác để bớt nỗi đau khổ, cô đơn của mình thì chị lại phải đứng ra làm chỗ dựa tinh thần cho một người khác. Tính cách của chị Tư Hậu đến đây như chuyển qua một bước ngoặt mới, tự mình đứng dậy giúp người khác vượt qua đau khổ. Chị tham gia cách mạng, dần dần có cái bản lĩnh của một cán bộ phụ nữ vùng địch hậu. Chị được kết nạp vào Đảng, được ban chấp hành phụ nữ huyện tuyên dương. Với bản lĩnh vững vàng của một đảng viên, chị Tư Hậu đã giữ vững phẩm chất của một người con trung hiếu với Đảng, với dân. Từ một người vợ, người mẹ hiền, chị đã trở thành một chiến sĩ. Anh Đức đã thành công trong việc miêu tả quá trình trưởng thành của tính cách chị Tư Hậu. Bằng những trang viết cảm động, Anh Đức vừa miêu tả được những nỗi vui buồn, lo lắng xót xa của một người vợ yêu chồng, một người mẹ thương con tha thiết, vượt qua những đau thương của một chiến sĩ, chị là một hình tượng mới mẻ trong văn xuôi cách mạng thời đó.

Bằng những nét chấm phá tài tình, ngòi bút tả người của Anh Đức đã vẽ lên được những bức chân dung phù hợp với tính cách của nhân vật, không có sự mâu thuẫn giữa ngoại hình và nội tâm. Đặc biệt hình ảnh người phụ nữ hiện ra dưới ngòi bút của ông bao giờ cũng đẹp. Đây là hình ảnh của cô Quế thùy mị mà gan góc, thủy chung: “khuôn mặt còn dính tro của cô giờ hơi ửng đỏ, tóc cô còn rắc đầy tro. Mồ hôi lấm tấm rịn ra trên vầng trán cô, chảy nhỏ giọt xuống thái dương. Cô đứng lại trước mặt tôi và Hựu, kéo cái đuôi tóc ra trước ngực, cứ cầm đuôi tóc mà vân vê mãi... cô gái nhỏ nhắn sinh đẹp hơn sự hình dung của tôi nhiều. Đôi mắt của cô như đang cười, long lanh sáng rực dưới hàng mi dài rung rung” (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.251).

Còn ngòi bút của Nguyễn Quang Sáng tỏ ra rất sắc sảo trong việc miêu tả nhân vật, đặc biệt miêu tả chân dung nhân vật, một loạt hình ảnh của nhiều lớp người khác nhau xuất hiện và lớn lên trong cuộc chiến tranh nhân dân ở miền Nam: những thanh thiếu niên nhanh chóng trưởng thành trong cuộc kháng chiến (Mi, Thu, Nhung, Dung); những người chiến sĩ cách mạng, cán bộ cơ sở chịu nhiều mất mát nhưng một lòng vẫn hướng về cách mạng (Ba Hoàn, ông Năm Hạng); những con người quần chúng căm thù giặc sâu sắc, gấn

bó với đời sống kháng chiến (mẹ của Mì, chị Bảy, anh Bảy Ngàn). Tác giả đã nêu bật tính chất quần chúng trong cuộc chiến tranh nhân dân ở miền Nam, tô đậm thêm chủ nghĩa anh hùng cách mạng qua việc khắc họa những đặc điểm chân dung nhân vật thể hiện sự lạc quan yêu đời. Các chi tiết ánh mắt, nụ cười gợi lên sự hình dung về dáng vẻ nhân vật, kể cả tâm tính, bản chất bên trong nhân vật; sự lạc quan yêu đời thể hiện khi đối mặt với những khó khăn của bom đạn, với kẻ thù nguy hiểm nhưng khuôn mặt vẫn rạng rỡ nụ cười, ánh mắt luôn tràn đầy niềm tin hi vọng. Trong Nguyễn Quang Sáng (2001), nhân vật Bảy Quyên (*Tên của đứa con*) vốn ít cười nhưng cuối cùng cũng cười - nụ cười ánh lên niềm tin yêu hi vọng: “trước sau gì cũng có ngày trời quang đãng, cái nỗi oan của mẹ con tôi, của gia đình chị Ba Phấn là điều bí ẩn của vợ chồng tôi sẽ sáng ra” (tr.250). Bên cạnh đó, nhà văn cũng đã miêu tả nội tâm họ qua lời độc thoại bằng các từ ngữ trực tiếp tái hiện cảm xúc như: “nghĩ thầm”, “thường nghĩ”, “tự an ủi”, “phân vân”... Nhà văn còn tái hiện dòng ý thức tự nhiên của nhân vật để cho chúng ta thấy được sự vận động, phát triển tâm lí và tính cách của họ. Trong miêu tả nội tâm, nhà văn sử dụng lời nửa trực tiếp để vừa thể hiện thế giới bên trong của nhân vật, vừa thể hiện sự đồng cảm, cách nhìn của mình đối với nó.

2.2.2. Nhấn mạnh liên hệ phối thuộc giữa nét đặc thù của cá tính với môi trường sống Nam Bộ

Cái gọi là môi trường sống Nam Bộ ở đây không chỉ gồm sông rạch và rừng biển mà còn có cả một cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ chống lại kẻ thù dân tộc. Không có gì lạ khi các nhà văn đã rất chú ý xây dựng các tình huống xung đột trong tác phẩm của mình để lột tả cho được cái khía cạnh đau thương, anh hùng của môi trường Nam Bộ nói trên.

Nhà văn Anh Đức rất tài tình khi xây dựng tình huống. Nhân vật trong truyện ngắn Anh Đức có chung tính cách vừa kiên cường trong đấu tranh cách mạng, vừa đôn hậu dịu dàng trong tình yêu. Tính cách đó được qui tụ lại ở hình tượng những nhân vật nữ như: Quế (*Khói*), chị Lộc (*Con chị Lộc*), chị Ba Tương Lai (*Xôn xao đồng nước*)... và hình tượng người nông dân như: ông Tám Xẻo Đước (*Đất*), ông Tư Trầm (*Giấc mơ ông lão vườn chim*). Tính cách của mỗi nhân vật trong truyện được xây dựng trên cơ sở tình huống động giàu kịch tính. Truyện *Đất*, tình huống kịch là khi bọn giặc dồn nhân dân vào áp chiến lược, khi bị bức vào khu trù mật, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, do đó mới có sự chạm trán giữa tên ác ôn Tư Sỏi với Tám Xẻo Đước và tính cách hai nhân vật được bộc lộ hoàn toàn. Ông Tám kiên quyết chết để bám lấy mảnh đất mà cách mạng đã đem lại cho gia đình ông. Tình huống bộc lộ tính cách gan góc, dũng cảm của người nông dân Nam Bộ. Tình huống trong *Con chị Lộc* là tình huống khi bọn nguy định ném đứa bé vừa mới chào đời xuống biển. Trên con tàu khi bọn giặc chở khoảng ba trăm người tù ra Côn Đảo, trong đó có chị Lộc đang mang thai gần tới lúc sinh. Trong hầm tàu tăm tối và ngột ngạt vì thiếu không khí, chị Lộc trở dạ. Tên trung úy nguy hiểm cưỡng cho ba người đàn ông giúp chị. Sau đó, bọn chúng định ném đứa bé xuống biển. Tình huống đầy xung đột giữa ta và địch

lên tới đỉnh điểm buộc ta phải hành động: cướp tàu. Trong khoảnh khắc đó, ba người đàn ông giật lấy đứa bé chạy vào đám người trong hầm tàu và xô xát xảy ra, cả trăm người vì bảo vệ sinh mạng đứa bé bất kể nguy hiểm xông vào giết chết tên trung úy và hai tên lính. Cuối cùng không chỉ đứa bé được giải thoát mà cả đoàn tàu được tự do. Cuộc chiến đấu dữ dội, quyết liệt giữa lực lượng cách mạng và kẻ thù độc ác tàn bạo chi phối đến từng hành động, tâm trạng của người dân miền Nam.

Cả Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng đều tạo ra những tình huống xung đột căng thẳng, quyết liệt giữa ta và địch. Tuy nhiên, Anh Đức thường đặt nhân vật vào tình huống giao tranh diễn ra trong không gian rộng lớn, trong sự đối đầu trực tiếp. Nguyễn Quang Sáng ít đặt nhân vật trong không gian chiến trường, trong cuộc giao tranh căng thẳng dữ dội giữa hai thế lực mà ông thường đặt nhân vật trong không gian hẹp, xung đột giữa ta và địch diễn ra ngấm ngấm dưới nhiều dạng thức khác nhau nhưng không kém phần gay gắt.

Những truyện ngắn của Anh Đức đều xây dựng trên cơ sở những câu chuyện có thật mà một vài bài kí hay phóng sự đã từng nói đến. Tình huống không có gì là li kì, đó là những tình huống vẫn thường xảy ra ở miền Nam, không phải ở một nơi nhất định, mà ở nhiều nơi. Vẫn lối diễn đạt giản dị, Anh Đức đưa chúng ta sống lại cùng với nhân vật của mình trong khung cảnh miền Nam trong chiến đấu. Những nhân vật của Anh Đức là chị Lộc, cô Quế, cô Uyên, hay là Hựu, Hai Cầu, hay cụ Định, ông Sáu, những con người khác nhau về lứa tuổi, sống trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng giống nhau ở nhiệt tình cách mạng. Họ có những băn khoăn, những suy nghĩ riêng tư, nhưng cùng có một tinh thần lạc quan chiến đấu. Truyện *Đứa con*, một chuyện về quan hệ giữa cha mẹ và con, về quan hệ giữa cách mạng và hạnh phúc gia đình. Thím Ba và chú Ba, hai vợ chồng bản nông nhờ công ơn cách mạng cứu sống mà có được đứa con, là thằng Trung, nay đã mười bảy tuổi. Tác giả đặt ba nhân vật vào ngay trong một tình huống đã giải quyết rồi: cho con đi với anh em cách mạng giải phóng; sau đó đi vào miêu tả tâm trạng các nhân vật, không người nào giống người nào, mỗi người một tâm trạng, nhưng người nào cũng giản dị trong tâm hồn. Kết thúc truyện *Đứa con* là bức thư đến tận tay người chỉ huy đơn vị. “Tôi vốn chịu ơn cách mạng và Đảng rất nặng. Nay con trai tôi, đã lớn tôi không thể để tụi Mĩ - Diệm bắt nó đi lính đánh lại cách mạng... Vậy nên vợ chồng tôi cho cách mạng. Xin coi như tôi hoàn toàn dâng cho Đảng đứa con của tôi...” (Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2006, tr.68). Và người chỉ huy đọc xong bức thư không thốt lên một lời, vui vẻ bước tới đưa hai bàn tay chụp lấp vai thằng Trung. Băn khoăn nhất của những người nông dân như chú Ba, thím Ba, là làm gì đây cho cách mạng. Điều sung sướng nhất của người đang chỉ huy chiến đấu là thấy quần chúng một lòng với cách mạng. Anh Đức đã thấy điều then chốt đó và đã tập trung nêu bật điều đó.

Truyện Nguyễn Quang Sáng có hai loại tình huống nổi bật là tình huống kịch và tình huống luận đề. Tác giả đã tạo ra những tình huống căng thẳng để nhân vật thể hiện, dần thân, đối phó với nó và buộc phải hành động để chuyển đổi hoàn cảnh. Các tình huống đầy kịch tính được tổ chức thành những lớp đan cài nhau, cứ thế xung đột càng lúc càng thêm gay gắt, quyết liệt, dẫn tới cao trào, đỉnh điểm. Trong chuyện *Chiếc lược ngà*, *Bông cẩm thạch*, *Chị xã đội trưởng*... tác giả đã sáng tạo được những tình huống giàu ý nghĩa thẩm mỹ, nói lên chiều sâu tư tưởng, khả năng nắm bắt vấn đề nhạy cảm của nhà văn trong cuộc sống chiến đấu, chứa đựng bao điều kì diệu của con người. Theo Nguyễn Quang Sáng (1975), truyện *Chiếc lược ngà* diễn tả tình huống đầy éo le, cảm động và thấm đẫm tình người: người cha từ chiến trường về thăm gia đình mong ước được gặp đứa con gái anh chưa từng thấy mặt, nhưng khi gặp, đứa con gái ấy đã không nhận anh là cha. Tình huống éo le đã mở đầu cho sự phát triển của truyện và tác động đến diễn biến tâm trạng, hành động của hai cha con. Anh Sáu với tình yêu thương con chỉ thèm khát một tiếng gọi “ba” nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Anh nhận được con từ những vết cắn hằn sâu những dấu răng. Anh nhìn con với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu, “khổ tâm đến nỗi không khóc được” (tr.33). Ngòi bút của Nguyễn Quang Sáng đã diễn tả sâu sắc diễn biến tâm lí của cả hai cha con. Đặc biệt là bé Thu, từ một cô bé có tính cách bướng bỉnh, ngang ngạnh đến cô bé giàu tình cảm khi nhận ra vết sẹo trên mặt ba là do Tây bắn, thì bao tình cảm dồn nén bấy lâu đã vỡ òa ra thành tiếng gọi “ba” đau xé trước lúc chia tay. Cách xây dựng tình huống truyện của nhà văn khéo léo ở chỗ đưa tình huống trở thành những xung đột, tạo tiền đề cho cốt truyện phát triển, tính cách nhân vật được bộc lộ và thể hiện sâu sắc chủ đề của tác phẩm.

2.3. Nghệ thuật xử lí ngôn ngữ với việc thể hiện đất và người phương Nam

2.3.1. Ngôn ngữ người trần thuật với việc thể hiện đất và người phương Nam

Ở *Đất rừng phương Nam*, nhân vật “tôi” chính là người dẫn truyện, vì thế, khi tìm hiểu ngôn ngữ nhân vật “tôi” chính là tìm hiểu ngôn ngữ dẫn truyện. Ngôn ngữ dẫn truyện trong *Đất rừng phương Nam* mang những đặc trưng đầy đủ về phương ngữ Nam Bộ ở cả các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cả phong cách diễn đạt. Có những đoạn rất hay, biểu hiện cho lối “văn nói Nam Bộ”, lối văn chương gồm những câu ngắn gọn, có nhiều từ ngữ Nam Bộ trong giao tiếp bằng lời được thể thành văn viết: “Bọn con nít từ khắp các ngõ ngách, từ trong các chỗ tối, từ dưới thuyền dưới xuồng chèo lên, ba chân bốn cẳng reo hò chạy về chỗ đám hát rong. Tự nhiên hai chân tôi cũng ngứa ngáy muốn tuôn theo...” (Đoàn Giỏi, 1998, tr.6); hay: “Tôi lại ba chân bốn cẳng nhắm mắt nhắm mũi lao về phía tiếng ồn ào đang có một sức cuốn hút không cưỡng được” (Đoàn Giỏi, 1998, tr.9). “Ba chân bốn cẳng”, “ngứa ngáy muốn tuôn theo”, “nhắm mắt nhắm mũi” đi vào trang văn của Đoàn Giỏi thật tự nhiên, gần gũi như cách nói của người dân Nam Bộ.

Cách gọi “mụ” thể hiện rõ sắc thái tình cảm của tác giả đối với những hạng người sống thiếu trách nhiệm trong lúc đất nước loạn lạc vì chiến tranh: “Nhiều con mụ đàn bà mặc áo lụa trắng rô-dê, che dù đầm, núng na núng nính rên bước đi lên chợ, mắt cứ ngó xuống chân dép xăng - đan, sợ bùn đất vấy gấu quần. Tiền bạc đưng nứt ví, nhưng mua gì cũng chê ổng chê ẹo, trả giá rẻ mạt” (Đoàn Giỏi, 1998, tr.15). Thay vì nói “thêu” tác giả dùng “ rô-dê”, thay vì nói “ô” ông dùng “dù đầm” cùng với những từ “ngó”, “vấy”, “nứt ví”, “chê ổng chê ẹo” đầy mỉa mai. Theo Đoàn Giỏi (1998), cách gọi “mụ” là cách dùng phổ biến của người dân miền Nam khi nói về người khác có ý không tôn trọng, như khi An tả vợ Tư Mắm: “Mụ vợ tên lái buôn cau mắt nhìn hấn một cái, từ hai trong con người phát ra những tia sáng quắc, nhọn như những mũi kim” (tr.38)... để khắc họa chân dung của vợ Tư Mắm một cách sâu sắc. Bên cạnh đó, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật “tôi” cũng đầy cá tính Nam Bộ. Nhân vật “tôi” - cậu bé An trong tác phẩm là một cậu bé vốn xuất thân từ thành thị nhưng cuộc đời run rủi, em đã lưu lạc khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Những tháng ngày ấy dạy cho em nhiều điều hay, em đã thực sự hòa nhập với vùng đất và con người của miền sông nước với hành động, ngôn ngữ rất Nam Bộ. Ngôn ngữ đối thoại giữa An và Cò rất thú vị, thể hiện đúng tính cách, đặc điểm của những cậu bé Nam Bộ: “Chắc con chim ụt đánh hơi mùi nướng của mình, hấn ra muôn nhào vô xuống kiếm chác hờ mậy, Cò?” (tr.125)...

Còn tác giả Anh Đức thì thường dùng lối kể chuyện ở ngôi thứ nhất để miêu tả, trình bày truyện của mình. Có khi chính tác giả đứng ra kể lại một câu chuyện anh đã được thấy, được nghe (*Con cá song*); có khi anh để cho nhân vật kể lại cuộc đời của họ nhằm thể hiện số phận con người trong chiến tranh. Ngôn ngữ trần thuật giúp cho Anh Đức đi sâu vào tâm lí của nhân vật và tạo điều kiện cho nhân vật tự biểu hiện. Chị Tư Hậu được Anh Đức miêu tả một tính cách trong quá trình phát triển: từ một phụ nữ bình thường, có phần yếu đuối đã vượt qua đau thương mà tìm đến với Đảng, với cách mạng (*Một truyện chép ở bệnh viện*). Chúng ta thấy lối kể chuyện này thích hợp với ngôi bút của Anh Đức qua một số truyện tiêu biểu. Đặc biệt, dễ nhận thấy trong *Hòn Đất* là ngôn ngữ trần thuật thể hiện qua một số trang miêu tả chị Sứ với sự tập trung đầy đủ những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Nam Bộ. Chị có chồng tập kết ra Bắc, sau bảy năm xa cách chị mới nhận được một lá thư của chồng. Mãi đến lúc cuộc chiến yêu cầu sự hi sinh cao nhất thì vai trò của chị Sứ nổi hấn lên. Chất liệu để Anh Đức sáng tác cũng dựa vào những câu chuyện có thật, xảy ra trong chiến tranh, tập trung miêu tả những tình huống, tính cách nhân vật và sự đặc sắc của các tình tiết, chi tiết qua ngôn ngữ trần thuật. Khi viết *Giấc mơ ông lão vườn chim* thì Anh Đức ở kề một cái sân chim, trần thuật buổi chiều hôm “cò diệc” hạ cánh xuống vườn chim ấy rất thực và sinh động. Anh Đức viết *Đất* giữa lúc địch dồn dân vào ấp chiến lược, thuật lại việc ông Tám Xèo Đước khấn vái trước bàn thờ tổ tiên là một câu chuyện có thật, xảy ra ở một ấp chiến lược Sóc Trăng.

Ngôn ngữ trần thuật trong sáng tác của Nguyễn Quang Sáng mang đậm tính chất hiện thực qua những quan sát tinh tế, miêu tả hình ảnh vừa gần gũi với con người, vừa mang tính chất tượng trưng. Ngôn ngữ này thể hiện thái độ ngợi ca qua cách dùng từ xưng hô, gọi tên nhân vật để tập trung khắc họa vẻ đẹp tinh thần con người Nam Bộ, kiên cường anh dũng trong đấu tranh, thủy chung, nhân hậu, lạc quan trong cuộc sống, sẵn sàng xả thân cho Tổ quốc. Trong *Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng vừa gọi “cô giao liên”, vừa gọi “cô” để bộc lộ cách cảm nhận của người kể chuyện, gọi tên nhân vật nhiều lần để tô đậm thêm sự gần gũi, nhấn mạnh vẻ đẹp bình dị từ ngoại hình đến tính cách nhân vật. *Chiếc lược ngà* được kể lại qua dòng hồi tưởng của người kể chuyện là người cán bộ già trực tiếp chứng kiến câu chuyện, lời kể dưới dạng hồi tưởng để tô đậm không khí hiện thực và trữ tình của truyện. Vì vậy, việc xáo trộn thời gian trong quá khứ và hiện thực cứ đan xen nhau từ hiện thực liên tưởng đến quá khứ, khi gần khi xa.

2.3.2. Ngôn ngữ nhân vật với việc thể hiện đất và người phương Nam

Thông thường, giữa ngôn ngữ người trần thuật và ngôn ngữ nhân vật có những khoảng cách rất rõ. Trong truyện của Sơn Nam giữa hai phạm trù này hầu như không có mấy khác biệt. Trong truyện của Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, sự tách bạch tương đối dễ thấy, vì sáng tác của họ còn hướng tới độc giả miền Bắc nữa. Khi người kể chuyện nói, họ không quá lạm dụng phương ngữ Nam Bộ, thậm chí họ chọn cách nói rất gần với phương ngữ Bắc Bộ (trong *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi cho An gọi người di nuôi của mình là Tư Bé chứ không phải là Tư Ủ hay Tư Mập chẳng hạn...), còn khi miêu tả ngôn ngữ nhân vật, họ cố gắng bảo lưu đặc thù của phương ngữ Nam Bộ và tất nhiên, cố gắng làm rõ tính cách của từng người.

Ngôn ngữ nhân vật đậm chất Nam Bộ cũng là một nét rất đặc sắc trong *Đất rừng phương Nam*. Ngôn ngữ của mỗi nhân vật trong tác phẩm đã tự làm toát lên tính cách vốn có của họ. Đó chính là lời của ông Hai - một con người Nam Bộ cương trực, chín chắn, điềm đạm: “Ai bảo mày lộn vô đây? Rồi tao bảo cho má mày biết để bà già cho mày một trận. Thôi, bước xuống cái vũng bên phía bên trái ấy rửa mình ngay đi. Y như thằng mò bùn bắt cá cạn” (tr.253)... “Chú Tư! Chú có thể tin rằng nó là một thằng bé thông minh và can đảm... Nếu như các anh có bảo ban điều gì mà nó không nghe thì xin chú cứ kỉ luật sắt giùm nó cho tôi.” (Đoàn Giỏi, 1998, tr.264). Những lời của ông: “giàn cho mày một trận”, “mò bùn bắt cá cạn”, “ăn chưa no lo chưa tới” thật dân dã và chất phác như chính con người của ông vậy. Cách nói của ông Hai mang nét đặc trưng riêng của người dân Nam Bộ. Đó là việc hay sử dụng những thành ngữ, quán ngữ... trong cách nói, cách diễn đạt của mình. Chú Huỳnh Tấn, không phải là người miền Nam nhưng chú đã hòa nhập vào người dân nơi đây một cách thân thiện, gần gũi: “Từ sáng đến giờ, hai anh em thay nhau chèo một mạch, chẳng có hột cơm bỏ bụng, ăn bữa bún ngon quá. Ước chừng còn một rá nữa, chúng tôi cũng ních hết” (tr.27). Ngôn ngữ của anh Sáu tuyên truyền cũng rất gần gũi với

nhân dân, Lão Ba Ngụ hay nói huyền thuyên, luôn say sưa nhưng lại hiểu đạo lí làm người... Ngôn ngữ nhân vật trong *Đất rừng phương Nam* là ngôn ngữ thường nhật của người dân Nam Bộ, thể hiện được tính cách và tâm lí ứng xử của người Nam Bộ. Các nhân vật trong *Đất rừng phương Nam* nói riêng và trong hầu hết các tác phẩm của Đoàn Giỏi nói chung đều có cá tính tốt, xấu rõ ràng, bày tỏ thái độ yêu, ghét rõ ràng, thể hiện thái độ căm thù, khinh bỉ của người Việt Nam đối với bọn xâm lược.

Ngôn ngữ nhân vật trong các tác phẩm của Anh Đức trong sáng, chính xác, chứng tỏ nó đã được trau chuốt cẩn thận với ngôn ngữ hào hùng của nhân vật qua lời trần thuật của một người sắp từ giã cõi đời nhưng đem đến cho người đọc cảm thấy hào sảng. Ngôn ngữ nhân vật bộc bạch tính cách con người Nam Bộ cương quyết sống chết vì đất nước, cách mạng (ông Tám Xèo Đước trong *Đất*); có khi ngôn ngữ nhân vật mang tính chất trữ tình thống thiết tái hiện không khí bi tráng của thời đại, có khi ngôn ngữ suồng sã gắn liền với những nhân vật phản diện trong tác phẩm. Đặc biệt, Anh Đức đã khéo léo sử dụng ngôn ngữ địa phương Nam Bộ. Ngôn ngữ trong sáng, tài kể chuyện, tài tả cảnh, khả năng liên tưởng nhạy bén, óc quan sát tinh vi, khả năng bao quát cuộc sống, nhất là lập trường tư tưởng là những yếu tố giúp ông viết được những bài bút kí sinh động. Ngôn ngữ nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Quang Sáng thì mang đậm màu sắc Nam Bộ, gắn liền với việc vận dụng ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày mang sắc thái thân mật; ngôn ngữ lời thoại của nhân vật ngắn gọn, hàm súc thể hiện rõ hành động, tính cách nhân vật; câu văn, lời văn rõ ràng, chặt chẽ. Trong *Tên của đứa con* trần thuật về những chuyện đau lòng của một người vợ chịu tiếng oan; *Quán rượu người cầm* thể hiện giây phút căng thẳng, lựa chọn giữa chết vinh hay sống nhục; *Ông Năm Hạng* thể hiện tấm lòng yêu nước sâu sắc qua từng câu văn, lời nói của nhân vật ông Hạng; *Chị xã đội trưởng* ngợi ca vẻ đẹp của chị Dung hết lòng vì lí tưởng cách mạng qua giọng kể đầy tự hào của cô giao liên Ánh...

3. Kết luận

Đất và người Nam Bộ là chất liệu nghệ thuật của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tuy có nhiều nhà văn ở các miền khác nhau của đất nước khai thác đề tài này, nhưng nhìn chung, đóng góp nổi bật vẫn thuộc về các nhà văn là con đẻ của đất Nam Bộ, như Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng. Yếu tố sông nước đã in dấu rất đậm trong văn xuôi của họ. Chính họ đã khắc họa thật sống động vẻ đẹp con người Nam Bộ qua những trang văn đậm đà dư vị. Rõ ràng, văn học Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1975, đã có được những thành tựu đáng trân trọng, đặc biệt là ở các thể loại tiểu thuyết, truyện và kí; tỏ rõ ưu thế của văn xuôi Nam Bộ trong việc thể hiện đất và người phương Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoàn Giỏi. (1998). *Đất rừng phương Nam*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn Quang Sáng. (1975). *Chiếc lược ngà*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn Quang Sáng. (2001). *Tuyển tập Nguyễn Quang Sáng*. TP Hồ Chí Minh: NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
- Bùi Việt Thắng và Nguyễn Thị Năm Hoàng. (2006). *Anh Đức về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Ngọc Thiện (Chủ biên) (2009). *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Lí luận - phê bình 1945 - 1975. Quyển bốn - Tập IX)*. Hà Nội: NXB Văn học.